PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA TỈNH BẮC NINH DƯỚI GÓC ĐỘ NĂNG SUẤT CÁC NHÂN TỐ SẢN XUẤT

Hoàng Thị Thu*
Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Nghiên cứu này đánh giá ảnh hưởng của vốn, lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh thông qua phương pháp hạch toán tăng trưởng. Kết quả chỉ ra rằng, yếu tố có đóng góp lớn nhất trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn 2008-2016 là nhân tố năng suất tổng hợp TFP với 63,97%. Lao động có việc làm của tỉnh Bắc Ninh cũng đã có đóng góp tương đối ổn định vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh. Mặc dù có mức độ tăng trưởng không ổn định, yếu tố vốn đã duy trì đóng góp của mình trong tăng trưởng GDP với mức trung bình chung của cả giai đoạn 2008-2016 là 32,91%. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng các yếu tố sản xuất cho tăng trưởng kinh tế còn thấp và cần phải cải thiện trong tương lai.

Từ khóa: *Tăng trưởng kinh tế; năng suất nhân tố tổng hợp; vốn; lao động; nhân tố sản xuất*

MỞ ĐẦU

Tăng trưởng kinh tế là một chỉ số quan trọng phản ánh trình độ phát triển kinh tế của một vùng, một quốc gia trong mỗi thời kỳ nhất định và là điều kiện tiên quyết để phát triển kinh tế, nâng cao hơn nữa đời sống người dân, giảm thất nghiệp và thực hiện nhiều mục tiêu vĩ mô khác. Tăng trưởng kinh tế được đề cập nhiều trong các mô hình nghiên cứu của các nhà kinh tế học với các tên tuổi tiêu biểu như Smitth (1776), Ricardo (1817), Harrod – Domar (1939), Solow (1956), Romer (1986) và Mankiw-Romer-Well (1992) [1-7]. Các mô hình nghiên cứu về tăng trưởng kinh tế trên đều khẳng định rằng các nhân tố tham gia trực tiếp vào quá trình tăng trưởng là các nhân tố sản xuất gồm vốn, lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP).

Vốn là nhân tố đầu vào của sản xuất và là nguồn lực cơ bản tạo ra tăng trưởng kinh tế. Vốn là toàn bộ của cải vật chất do con người tạo ra được tích lũy lại và những của cải tự nhiên như đất đai, khoáng sản đã được khai thác, chế biến. Vốn của một quốc gia trong một thời kỳ nhất định được đo bằng tiền, được biểu hiện dưới dạng tiền tệ đã được huy động và sử dụng cho tăng trưởng kinh tế. Các nhà khoa học đã tìm ra mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và gia tăng đầu tư thông qua hệ số ICOR – hệ số hiệu suất sử dụng vốn để tăng trưởng.

Lao động là một trong những nhân tố cơ bản của sự tăng trưởng kinh tế. Nguồn lao động là nguyên nhân, là động lực của mọi sự tăng trưởng và phát triển, đồng thời cũng là sản phẩm của phát triển. Là một bộ phận của dân số, nguồn lao động tạo cầu cho nền kinh tế thông qua việc tham gia vào tiêu dùng các sản phẩm và dịch vụ xã hội. Hơn nữa, trong các mô hình tăng trưởng kinh tế hiện đại, lao động được xem là vốn con người, tức là lao động có kỹ năng sản xuất, có trình độ công nghệ để vận hành các loại máy móc thiết bị, có khả năng phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Chất lượng nguồn nhân lực phụ thuộc vào trình độ giáo dục, trình độ dân trí, sức khỏe, số lượng, chất lượng của những máy móc, thiết bị sản xuất được trang bị cho người lao động và môi trường sống và làm việc của người lao động đó. Chất lượng nguồn nhân lực được xem là yếu tố chất lượng của tăng trưởng.

Ngoài hai nhân tố vật chất là vốn và lao động có tác động đến tăng trưởng kinh tế, nhân tố năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) là một nhân tố có ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng kinh tế được quan tâm nhiều trong thời gian gần đây. TFP "phản ánh sự đóng góp của các nhân tố vô hình như kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng lao động, cơ cấu lại nền kinh tế hay hàng hóa dịch vụ, chất lượng vốn đầu tư mà chủ yếu là chất lượng thiết bị công nghệ, kỹ năng quản lý…" (Trung tâm năng suất Việt Nam, 2009). Nói cách khác, năng suất nhân tố tổng hợp là chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất mang lại do

* *Tel: 0989 910591, Email:thuhttn@yahoo.com*

nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và lao động nhờ vào tác động của các nhân tố đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến quản lý và nâng cao trình độ lao động. Ta có thể chia kết quả sản xuất thành ba phần: phần do vốn tạo ra, phần do lao động tạo ra và phần do yếu tố tổng hợp TFP tạo ra. Như vậy, không phải nhất thiết để tăng trưởng sản xuất phải tăng lao động hoặc tăng vốn, mà có thể có kết quả sản xuất lớn hơn thông qua tối ưu hóa nguồn lao động và vốn, cải tiến quy trình công nghệ, cải tiến quy trình quản lý.

Là một tỉnh thuộc vùng Đông Bắc Bộ của Việt Nam, Bắc Ninh tiếp giáp với thủ đô Hà Nội và là một trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả vùng trung du và miền núi phía Bắc. Trong 10 năm qua, tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện thành công công cuộc đổi mới nền kinh tế với việc triển khai thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và mở cửa nền kinh tế, từ đó tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu nhập bình quân đầu người tăng lên khá cao. Tuy nhiên, vẫn chưa có một nghiên cứu cụ thể nào về những nhân tố sản xuất ảnh hưởng đến sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh.

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp hạch toán tăng trưởng để đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố sản xuất đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh, từ đó đề xuất giải pháp tăng cường tác động của các yếu tố sản xuất trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Xây dựng mô hình nghiên cứu

Để đo lường và đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố sản xuất đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh, bài viết sử dụng mô hình xuất phát là mô hình tăng trưởng Solow có dạng hàm sản xuất Cobb-Douglas:

$$Y=TFP.f(K^{\alpha}.L^{\beta}) \quad (1)$$

trong đó Y là sản lượng đầu ra; K là vốn đầu vào; L là lao động; TFP chính là năng suất nhân tố tổng hợp; α là hệ số đóng góp của vốn và β = (1- α) là hệ số đóng góp của lao động.

Lấy logarit tự nhiên hai vế của phương trình (1), ta có :

$$LnY = LnTFP + \alpha\, LnK + \beta\, LnL \quad (2)$$

Vi phân hai vế của phương trình (2) theo thời gian, ta có:

$$\frac{dY}{Y} = \frac{dTFP}{TFP} + \alpha\frac{dK}{K} + \beta\frac{dL}{L}$$

Trong đó $\frac{dY}{Y}$, $\frac{dK}{K}$, $\frac{dL}{L}$ và $\frac{dTFP}{TFP}$ tương ứng với tốc độ tăng trưởng của tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP), vốn, lao động và tốc độ tăng trưởng của năng suất nhân tố tổng hợp.

Gọi G_Y là tốc độ tăng trưởng của GRDP; G_K là tốc độ tăng trưởng của vốn; G_L là tốc độ tăng trưởng của lao động và G_{TFP} là tốc độ tăng của năng suất nhân tố tổng hợp TFP, hàm sản xuất (1) biến đổi như sau:

$$G_Y = G_{TFP} + \alpha.G_K + \beta.G_L \quad (3)$$

Một trong những đóng góp của mô hình Solow là nó có thể dùng để đo lường đóng góp của các nhân tố sản xuất trong tăng trưởng kinh tế. Các chỉ tiêu G_Y, G_L, G_K được tính dựa vào số liệu đã được công bố. Để tính toán hệ số đóng góp của vốn (α), hệ số đóng góp của lao động (β) và G_{TFP} cho tỉnh Bắc Ninh, với điều kiện số liệu tiếp cận được, nghiên cứu này sử dụng hạch toán tăng trưởng được phát triển bởi Solow (1957).

Theo phương trình (3), tốc độ tăng của TFP được tính theo công thức sau:

$$G_{TFP} = G_Y - \beta.G_L - \alpha.G_K \quad (4)$$

Sau khi tính được tốc độ tăng trưởng của từng yếu tố vốn (G_K), lao động (G_L) và tốc độ tăng của TFP (G_{TFP}), chúng ta xác định được tỷ trọng đóng góp của vốn, lao động và TFP vào tốc độ tăng của GDP như sau:

% đóng góp của TFP = G_{TFP}/ G_Y x 100%

% đóng góp của vốn = $\alpha\, G_K / G_Y$ x 100%

% đóng góp của lao động = (1-α) G_L/ G_Y x 100% = β. G_L / G_Y x 100%

Dữ liệu tính toán

Tổng sản lượng (Y) được đo bằng GRDP thực tế của tỉnh Bắc Ninh được xác định theo giá so sánh năm 2010, đơn vị tính là tỷ đồng. Yếu tố vốn (K) là trữ lượng vốn (capital stock) thực tế của tỉnh Bắc Ninh được xác định theo giá so sánh năm 2010, đơn vị tính là

tỷ đồng. Tác giả lựa chọn phương pháp xác định trữ lượng vốn thực tế đã được sử dụng trong nghiên cứu của Nguyễn Quang Hiệp và Nguyễn Thị Nhã (2015) [10]; Đặng Hoàng Thống và Võ Thành Danh (2011) [11] và vận dụng trong trường hợp của tỉnh Bắc Ninh. Hiện tại, Việt Nam và các tỉnh thành của Việt Nam (trong đó có tỉnh Bắc Ninh) đều không có số liệu về chỉ tiêu "trữ lượng vốn". Do tỉnh Bắc Ninh mới được tái lập năm 1997, nghiên cứu sử dụng GRDP thực tế của tỉnh Bắc Ninh năm 2000 làm mức K thời kỳ đầu (từ K_0). Từ mức K ban đầu này và giá trị đầu tư hàng năm (I_t), nghiên cứu tính được trữ lượng vốn theo thời gian dựa vào công thức:

$K_t = (1- \delta) K_{t-1} + I_t$ trong đó $\delta = 5\%$ là tỷ lệ khấu hao.

Yếu tố lao động (L) là lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế của tỉnh Bắc Ninh qua các năm, đơn vị tính là nghìn người.

Phương pháp xác định hệ số đóng góp của vốn (hay còn gọi là tỷ phần thu nhập của vốn) trong GRDP (α) được lựa chọn là phương pháp đã được sử dụng trong nghiên cứu của Nguyễn Quang Hiệp và Nguyễn Thị Nhã (2015). Theo Nguyễn Quang Hiệp và Nguyễn Thị Nhã (2015) [10], hệ số đóng góp của vốn (α) = λ K/Y, trong đó λ là giá trị sản phẩm cận biên của vốn. Lãi suất cho vay bình quân trong năm là chỉ tiêu được sử dụng để đại diện cho giá trị sản phẩm cận biên của vốn.

Hệ số đóng góp của lao động trong GRDP (hay còn gọi là tỷ phần thu nhập của lao động) là $\beta = 1- \alpha$.

Để xác định tác động của các nhân tố sản xuất đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh, nghiên cứu sử dụng số liệu về GRDP, vốn đầu tư và lao động được thu thập từ Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh và Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn 2006 đến 2016 [12]. Số liệu về Lãi suất cho vay bình quân trong năm trên thị trường được thu thập từ cơ sở dữ liệu International Financial Statistics của IMF [15].

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Tỉnh Bắc Ninh là một tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, nằm trong tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh và là cửa ngõ phía Đông Bắc của Hà Nội. Là vùng đất có vị trí địa lí ấn tượng và là điểm giao thương thuận lợi đến các thành phố lớn trên cả nước, trong hơn 10 năm qua (2006-2016), tỉnh Bắc Ninh đã có những bước phát triển nhanh, một số ngành nghề trọng điểm đều tăng năng lực sản xuất; các thành phần kinh tế đều có sự tăng trưởng, nhất là kinh tế ngoài quốc doanh đã khẳng định vị trí của mình trong nền kinh tế nhiều thành phần.

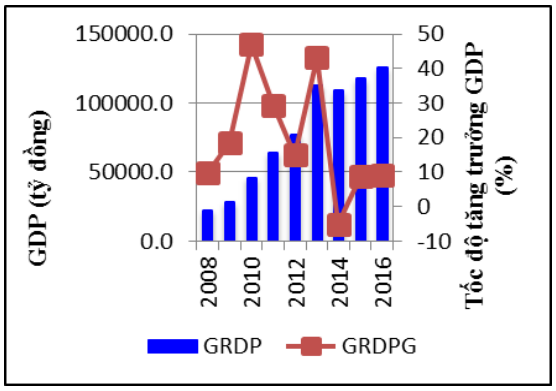

Nguồn: Niêm giám thống kê Bắc Ninh 20 năm xây dựng và phát triển 1997-2016 [13]

Hình 1. *GDP và tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh Bắc Ninh*

Hình 1 cho thấy, giá trị GRDP của tỉnh Bắc Ninh tăng dần hàng năm với mức tăng năm sau cao hơn năm trước. Năm 2016, tổng GRDP đạt 125460,8 tỷ đồng, gấp gần 6 lần so với năm 2008. Tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2008 – 2016 luôn duy trì ở mức cao với mức tăng trung bình là 19,45%/năm (Bảng 1). Trong mức tăng trưởng bình quân của tỉnh giai đoạn 2008-2016, khu vực nông - lâm - thuỷ sản tăng 4,46%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 22,55% và khu vực dịch vụ tăng 18,64% (Cục thống kê Bắc Ninh, 2016).

Hình 1 cũng cho thấy, tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh năm 2010 tăng trưởng vượt bậc, lên đến 47%. Kết quả này là có sự đóng góp mạnh mẽ của khu vực công nghiệp và xây dựng. Tốc độ tăng trưởng của khu vực công nghiệp và xây dựng tăng từ 2,8% (năm 2008) lên đến 40,94 % (năm 2010). Kết quả này hoàn toàn phù hợp với tiến trình đầu tư và và kinh doanh của các khu công nghiệp tập trung thuộc địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Trước

2008 là thời kỳ tỉnh Bắc Ninh xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp tập trung và các cụm công nghiệp làng nghề. Khi các khu công nghiệp bắt đầu đi vào hoạt động ổn định từ 2010, các tập đoàn kinh tế lớn của Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Châu Âu và Mỹ có công nghệ hiện đại và sản phẩm có sức cạnh tranh như Canon, Samsung, Pesico và Nokia… đã lựa chọn Bắc Ninh là điểm đến tiềm năng để đầu tư do có môi trường đầu tư tốt. Giai đoạn đầu, vốn đầu tư chủ yếu vào lĩnh vực gia công và lắp ráp. Từ 2012 đến nay, vốn đầu tư được ưu tiên để tập trung đầu vào phát triển sản xuất ngành công nghiệp điện tử, thiết bị truyền thông và nhóm chế biến chế tạo với tỷ lệ vốn chiếm trên 60% vốn đầu tư của giai đoạn 2008-2016 (UBND tỉnh Bắc Ninh, 2016) [14].

Tốc độ tăng trưởng của tỉnh Bắc Ninh phụ thuộc vào sự tăng trưởng của khu vực công nghiệp và xây dựng. Năm 2013, tốc độ tăng trưởng của khu vực công nghiệp và xây dựng tăng cao nhất từ trước đến nay, lên đến là 60,58%; dẫn đến GDPR của tỉnh Bắc Ninh tăng mạnh, lên đến 112535,2 tỷ đồng. Tuy nhiên, năm 2014 sản xuất công nghiệp của Tỉnh có sự biến động mạnh (giá trị sản xuất công nghiệp của công ty Samsung đạt 78,5% kế hoạch năm và giảm 4,9% so năm 2013 và khu vực FDI giảm 5,5%). Việc này làm cho GDPR của Bắc Ninh năm 2014 giảm mạnh so với năm 2013 và tốc độ tăng trưởng kinh tế của Bắc Ninh năm 2013 đạt âm.

Xét cho cả giai đoạn 2008 – 2016, tỉnh Bắc Ninh luôn có quy mô kinh tế tăng nhanh, tốc độ tăng trưởng GRDP duy trì ở mức cao với mức tăng trung bình là 19,45%/năm nên GRDP bình quân đầu người của tỉnh Bắc Ninh đạt cao so với bình quân của cả nước. Năm 2016, GRDP bình quân đầu người của tỉnh Bắc Ninh đạt 107,6 triệu đồng, gấp 2,3 lần bình quân chung của cả nước (Cục thống kê Bắc Ninh, 2016) [12].

Trong giai đoạn 2008 -2016, tốc độ tăng trưởng vốn K của tỉnh Bắc Ninh luôn ở mức cao với tốc độ tăng trung bình của cả giai đoạn là 32,49% (Bảng 1). Bảng 2 cũng cho thấy, mức đóng góp trung bình của vốn trong giai đoạn 2008-2016 GDP là 6,22 điểm phần trăm (chiếm 32,9%).

Bảng 1. *Tốc độ tăng của GDP, vốn, lao động và TFP của tỉnh Bắc Ninh*

Năm	Tốc độ tăng của GRDP (%)	Tốc độ tăng của Vốn (%)	Tốc độ tăng của Lao động (%)	Hệ số đóng góp của Vốn (α)	Hệ số đóng góp của Lao động (β = 1- α)	Tốc độ tăng của TFP (%)
2008	9,82	69,76	0,51	0,2175	0,7825	-5,75
2009	18,48	46,83	0,69	0,1720	0,8280	9,86
2010	47,02	35,27	0,61	0,2065	0,7935	39,26
2011	29,15	19,58	-1,51	0,2466	0,7534	25,46
2012	14,9	27,68	5,39	0,2178	0,7822	4,66
2013	43,21	32,34	2,68	0,1550	0,8450	35,93
2014	-5,09	18,96	2,16	0,1622	0,8378	-9,97
2015	8,60	22,50	0,42	0,1504	0,8496	4,86
2016	8,96	19,47	2,31	0,1612	0,8388	3,89
2008-2016	**19,45**	**32,49**	**1,47**	**0,1877**	**0,8123**	**12,02**

Nguồn: NGTK Bắc Ninh 20 năm xây dựng và phát triển 1997-2016 và tính toán của tác giả

Như vậy, vốn là một trong những yếu tố quan trọng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn 2008-2016. Tuy nhiên, hiệu quả đầu tư vốn của tỉnh Bắc Ninh còn không ổn định và đang có chiều hướng giảm thấp vào những năm gần đây. Theo kết quả tính toán hệ số ICOR của tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2008-2016 cho thấy: Hệ số ICOR trung bình giai đoạn 2008-2014 là 1,57 và ICOR giai đoạn 2015-2016 trung bình là 5,88 tăng lên gấp 3,75 lần so với ICOR giai đoạn 2008-2014 (Phụ lục). Điều này đồng nghĩa với hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của tỉnh Bắc Ninh đang thấp dần, cần phải được cải thiện trong thời gian tới.

Bảng 2. *Đóng góp của vốn, lao động và TFP trong tăng trưởng GDP của tỉnh Bắc Ninh*

Năm	Tăng trưởng của GDP (%)	Đóng góp của Vốn		Đóng góp của Lao động		Đóng góp của TFP	
		Điểm %	Tỷ trọng	Điểm %	Tỷ trọng	Điểm %	Tỷ trọng
2008	9,82	15,17	154,49	0,40	4,04	-5,75	-58,53
2009	18,48	8,05	43,58	0,57	3,08	9,86	53,33
2010	47,02	7,28	15,49	0,48	1,02	39,26	83,49
2011	29,15	4,83	16,57	-1,14	-3,91	25,46	87,34
2012	14,9	6,03	40,46	4,22	28,29	4,66	31,24
2013	43,21	5,01	11,60	2,27	5,25	35,93	83,15
2014	-5,09	3,07	-60,41	1,81	-35,48	-9,97	195,89
2015	8,60	3,38	39,35	0,36	4,18	4,86	56,46
2016	8,96	3,14	35,03	1,93	21,59	3,89	43,38
2008-2016	**19,45**	**6,22**	**32,91**	**1,21**	**3,12**	**12,02**	**63,97**

Nguồn: Theo tính toán của tác giả

Tỷ lệ tăng trưởng lao động của tỉnh Bắc Ninh là thấp nhưng không đồng đều giữa các năm. Dân số trong độ tuổi lao động có việc làm của tỉnh Bắc Ninh tăng qua các năm (Phụ lục) sẽ làm tăng tiết kiệm và tăng nguồn đóng góp cho quỹ an sinh xã hội, qua đó tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, lao động chỉ đóng góp vào GDDP bình quân 1,21 điểm phần trăm, tương ứng với 3,12% tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh. Đóng góp của lao động trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh năm 2011 và 2014 mang giá trị âm cho thấy những năm đó, nhân tố lao động không đóng góp gì cho tăng trưởng kinh tế.

Bên cạnh sự đóng góp của vốn và lao động trong tăng trưởng GRDP, TFP là nhân tố có đóng góp nhiều nhất trong GRDP của tỉnh Bắc Ninh. Trong giai đoạn 2008-2016, tỷ trọng đóng góp trung bình của nhân tố TFP trong tăng trưởng GRDP là 63,97% (Bảng 2).

Theo lý thuyết, TFP phản ánh sự đóng góp của các yếu tố vô hình trong quá trình sản xuất như kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng lao động… không được giải thích bởi sự thay đổi số lượng lao động và vốn. Sự tăng trưởng của TFP trong thời gian này là kết quả của việc tăng năng suất lao động xã hội của tỉnh Bắc Ninh. Tính theo giá thực tế, mức năng suất lao động xã hội năm 2016 của tỉnh Bắc Ninh là 189,098 triệu đồng/lao động, tăng gấp 5 lần so với năm 2008; mức năng suất lao động xã hội bình quân giai đoạn 2008- 2016 của tỉnh Bắc Ninh là 123,683 triệu đồng/lao động, tăng gấp 3,279 lần so với năm 1998 (Phụ lục). Đây chính là kết quả của việc các yếu tố tạo nên năng suất nhân tố tổng hợp như kiến thức, kỹ năng, trình độ tay nghề của người lao động, thay đổi công nghệ, phương pháp quản lý và điều hành của người quản lý… đã chuyển hóa vào kết quả sản xuất phản ánh hiệu quả của các nguồn lực được sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa dịch vụ.

KẾT LUẬN

Bắc Ninh là một trong những địa phương có tốc độ tăng trưởng cao trong giai đoạn 2008-2016. Trên cơ sở phương pháp hạch toán tăng trưởng, bài viết đã đánh giá tác động của các nhân tố là vốn, lao động và năng suất nhân tố tổng hợp đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình của tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2008-2016 đạt 19,45%, trong đó vốn là nhân tố đóng góp vào tăng trưởng kinh tế với tỷ trọng là 32,91% và lao động có việc làm đã đóng góp 3,12% vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh. Nhân tố năng suất tổng hợp TFP cũng đã duy trì đóng góp lớn nhất trong tăng trưởng GDP với mức trung bình chung của cả giai đoạn 2006-2016 là 63,97%. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng các nhân tố sản xuất cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh còn thấp, thể hiện qua việc hệ số ICOR còn cao, đóng góp của vốn vào tăng trưởng kinh tế không ổn định và năng suất lao động vẫn cần phải cải thiện.

Để Bắc Ninh phát triển kinh tế một cách bền vững hơn, tỉnh Bắc Ninh cần nâng cao vai trò của các nhân tố sản xuất trong tăng trưởng kinh tế. Để làm được điều này, tỉnh Bắc Ninh cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp. Một

là, tỉnh Bắc Ninh cần xem xét định hướng tăng trưởng kinh tế không dựa vào tăng vốn đầu tư và khai thác tài nguyên mà tăng trưởng kinh tế dựa vào trí thức và công nghệ. Thứ hai, tỉnh Bắc Ninh cần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thông qua đầu tư trọng tâm trọng điểm vào các công trình có công nghệ cao; tránh thất thoát, lãng phí trong sử dụng vốn đầu tư và tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động đầu tư. Ba là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh bằng cách nâng cao trình độ văn hóa và nhận thức của người lao động, tăng cường đầu tư cho giáo dục đào tạo trên tất cả các mặt như phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và tin học. Ngoài ra, tỉnh Bắc Ninh cần kiên quyết cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao hiệu quả hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Smith, A, (1776), *An inquiry into nature and causes of the wealth of nations*, Methuen Co,, Ltd,, London.
2. Ricardo, D, (1817), *On the principles of political economy anf taxation*, 3nd Edition (1821), Jonh Murray, London.
3. Harrod, R,F, (1939), "An esay in dynamic theory", *The Economic Journal*, tập 49 số 193, trang 14 -33.
4. Domar, E,D, (1946), "Capital expansion, rate of growth and employment", *Economitrica, Journal of Econometric Society*, Tập 14 số 2, trang 137-147.
5. Solow, R,M, (1956), "A contribution to the theory of economic growth", *Quarterly Journal of Economics*, tập 70 số 1, trang 65-94.
6. Romer, P,M, (1986), "Increasing returns and long run growth", *The journal of Political Economy*, tập 94, số 5, trang 1002-1037.
7. Mankiw, N, G,, D, Romer, and David N, Weil, 1992, "A Contribution to the Empirics of Economic Growth", *Quarterly Journal of Economics*, tập 107, số 2, trang 407-437.
8. Trung tâm Năng suất Việt Nam (2009), *Báo cáo nghiên cứu chỉ tiêu năng suất Việt Nam 2006–2007.*
9. Solow, R,M, (1957), "Technical Change and the Aggregate Production Function", *Review of Economics and Statistics*, tập 39 số 3, trang 312-320.
10. Nguyễn Quang Hiệp và Nguyễn Thị Nhã (2015), "Vai trò của các yếu tố nguồn lực đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 1996-2014", *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 219, tháng 9/2015, trang 9-19.
11. Đặng Hoàng Thống & Võ Thành Danh (2011), 'Phân tích các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế của thành phố Cần Thơ: cách tiếp cận tổng năng suất các yếu tố', *Tạp chí Khoa học* 17b, 120-129.
12. Cục Thống Kê Bắc Ninh (các năm 2008 – 2016), *Niên giám Thống Kê tỉnh Bắc Ninh*.
13. Cục Thống Kê Bắc Ninh (2017), *Niêm giám thống kê Bắc Ninh 20 năm xây dựng và phát triển 1997-2016*
14. UBND tỉnh Bắc Ninh (2016), *Quyết định số 2501/QĐ-UBND/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 về việc ban hành "Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030"*.
15. IMF(2017). *Cơ sở dữ liệu trực tuyến* từ http://elibrary -data.imf.org/DataExplorer.aspx,

SUMMARY

ANALYSIS OF FACTORS AFFECTING THE ECONOMIC GROWTH OF BAC NINH PROVINCE UNDER THE CAPACITY OF PRODUCTION FACTORS

Hoang Thi Thu*

University of Economics and Business Administration - TNU

The study evaluates the effect of capital stock, labor and total factor productivity on economic growth in Bac Ninh province based on the growth accounting approach. The results showed that the TFP factor was the greatest contribution to the economic growth of Bac Ninh province during 2008-2016 with 63.97%. The employed workers have also made relatively stable contributions to the economic growth of Bac Ninh province. Despite the unstable level of growth, the capital stock has also retained its contribution to the province's economic growth with a general average of capital 32.91% for the 2008-2016 period. However, effective use of inputs for economic growth remains low and need to be improved in the future.

Key words: *economic growth, total factor productivity, capital stock, labor and production factors*

* *Tel: 0989 910591, Email: thuhttn@yahoo.com*

Phụ lục: Dữ liệu và tính toán trong nghiên cứu

Năm	GDP - giá hiện hành (tỷ đồng)	GDP- giá so sánh 2010 (tỷ đồng)	I - giá so sánh 2010 (tỷ đồng)	K- giá so sánh 2010 (tỷ đồng)	L (người)	Lãi suất cho vay	Hệ số đóng góp của K	Năng suất lao động (triệu đồng/LĐ)	ICOR - giá so sánh 2010
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(1)/(5)	(9)
2000	3366,80	8829,40	794,56	8829,40					
2001	3980,50	10138,60	840,40	9228,33					
2002	4653,30	11694,50	1196,81	9963,72					
2003	5603,40	13518,80	1137,98	10603,51					
2004	6876,40	15476,20	1685,77	11759,10					
2005	8331,10	17866,10	1853,08	13024,23					
2006	10504,20	20739,20	2011,99	14385,01					
2007	15506,50	23897,70	7642,00	21307,76					
2008	22080,80	26245,20	15929,00	36171,37	585513	0,1578	0,2175	37,7119	6,79
2009	27914,10	31094,30	18747,00	53109,80	589539	0,1007	0,1720	47,3490	3,87
2010	45716,10	45716,00	21389,00	71843,31	593114	0,1314	0,2065	77,0781	1,46
2011	64029,90	59040,00	17658,00	85909,15	584147	0,1695	0,2466	109,6126	1,33
2012	76741,40	67834,70	28076,00	109689,69	615627	0,1347	0,2178	124,6557	3,19
2013	112535,20	97149,00	40958,00	145163,21	632151	0,1037	0,1550	178,0195	1,40
2014	108755,70	92206,00	34779,00	172684,05	645776	0,0866	0,1622	168,4109	-7,04
2015	117459,90	100133,30	47489,00	211538,84	648510	0,0712	0,1504	181,1227	5,99
2016	125460,8	109106,2	51758,00	252719,90	663468	0,0696	0,1612	189,0985	5,77

Nguồn: Niêm giám thống kê Bắc Ninh 20 năm xây dựng và phát triển 1997-2016 và IMF (2017)

Ngày nhận bài: 27/8/2018; Ngày phản biện: 24/9/2018; Ngày duyệt đăng: 12/10/2018